

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/DS-PT
Ngày 09/02/2026
V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Ngọc

Bà Hà Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa. Bà Phạm Thị Bằng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2025/TLPT-DS ngày 30/12/2025, về việc tranh chấp thừa kế. Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 30/09/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Nghệ An bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 247/2025/QĐ-PT, ngày 31/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Trương Xuân Đ, sinh năm 1962. Địa chỉ: xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nay là: xóm I (N), xã V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Quang T. Địa chỉ: số E, đường N, khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Xuân X, sinh năm 1964. Địa chỉ: xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nay là: xóm A (N), xã V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trương Xuân Q, sinh năm 1957. Địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nay là xóm I (N), xã V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Bà Trương Thị H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nay là xóm I (N), xã V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Ông Trương Xuân L, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn Đ, Đ, Đ, Đắc Nông. Vắng mặt.

+ Ông Trương Xuân H1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nay là xóm I (N), xã V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1973. Địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nay là xóm I (N), xã V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

+ Anh Trương Xuân P, sinh năm 1995. Địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nay là xóm I (N), xã V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Anh Trương Xuân N, sinh năm 1998. Địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nay là xóm I (N), xã V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Cháu Trương Xuân Anh K, sinh tháng 7/2010. Địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nay là xóm I (N), xã V, tỉnh Nghệ An. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1973. Địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nay là xóm I (N), xã V, tỉnh Nghệ An.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án dân sự số 22/2025/DS-ST ngày 30/09/2025, của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn ông Trương Xuân Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bố mẹ của ông Trương Xuân Đ là cụ Trương Xuân C (sinh năm: 1937; chết năm: 2011), cụ Lê Thị T1 (sinh năm: 1937; chết năm: 1997) có di sản thừa kế để lại là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 3, diện tích 1761m² (đất ở là 200m² và đất vườn là 1561m²) tại xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An mang tên Trương Xuân C theo GCNQSD số N674710 do UBND huyện N cấp ngày 31/3/1999 mang tên Trương Xuân C. Theo Bản đồ địa chính mới là thửa đất số 137, tờ bản đồ số 65, diện tích 1825,5m² (Sau đây gọi tắt là thửa đất số 137). Bố mẹ ông chết không để lại di chúc. Bố mẹ ông sinh được 07 (bảy) người con, đó là: ông Trương Xuân Q, sinh năm 1957; ông Trương Xuân Đ, sinh năm 1962; ông Trương Xuân X, sinh năm 1964; bà Trương Thị H, sinh năm 1971; ông Trương Xuân Đ1, sinh năm 1970, đã chết năm 2021 - có người thừa kế là: Vợ: bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1973;

các con gồm: anh Trương Xuân P, sinh năm 1995; anh Trương Xuân N, sinh năm 1998; anh Trương Xuân Anh K, sinh năm 2010); ông Trương Xuân H1, sinh năm 1980; ông Trương Xuân L, sinh năm 1976.

Bố mẹ đẻ của bố ông Trương Xuân C đều chết trước năm 2012 là chết trước thời điểm bố ông là cụ Trương Xuân C chết; Bố mẹ đẻ của mẹ ông Lê Thị T1 đều chết trước năm 1997 là chết trước thời mẹ ông Lê Thị T1 chết.

Hiện nay, anh chị em trong gia đình thống nhất phân chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại là thửa đất số 137 nêu trên, nhưng ông Trương Xuân X không đồng ý. Vì vậy, ông Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu như sau: Chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 137, tờ bản đồ số 65, diện tích 1825,5m² mang tên Trương Xuân C tại xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (*theo GCNQSD số N674710 do UBND huyện N cấp ngày 31/3/1999 mang tên Trương Xuân C*) là di sản thừa kế của bố mẹ ông là cụ Trương Xuân C và cụ Lê Thị T1 để lại.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông Trương Xuân X đã thống nhất được việc chia thừa kế theo pháp luật và đã đồng ý nhường phần thừa kế của mình cho ông Trương Xuân Đ. Đồng thời các anh chị em khác là ông Trương Xuân Q, bà Trương Thị H, ông Trương Xuân H1, ông Trương Xuân L đều nhường phần thừa kế của mình cho ông Trương Xuân Đ thì ông cũng đồng ý. Đối với phần thừa kế của ông Trương Xuân Đ1 thì đề nghị Toà án giải quyết chia theo quy định pháp luật.

Về chi phí tố tụng: ông Đ đã nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng; tuy nhiên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn – ông Trương Xuân X trình bày: **Hiện nay, anh trai ông – Trương Xuân Đ đang khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế để lại là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 3, diện tích 1761m² tại xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cũ nay là xã V, tỉnh Nghệ An (Theo GCNQSD số N674710 do UBND huyện N (cũ) cấp ngày 31/3/1999 mang tên Trương Xuân C (Theo Bản đồ địa chính mới là thửa đất số 137, tờ bản đồ số 65, diện tích 1825,5m²) (Sau đây gọi tắt là thửa đất số 137).** Quá trình giải quyết vụ án ông đã có bản tự khai về việc không đồng ý chia thừa kế đối với thửa đất số 137 nêu trên. Tuy nhiên, hiện nay anh em trong gia đình đã thống nhất, ông đã thỏa thuận và thống nhất được với anh trai ông là Trương Xuân Đ nên bằng văn bản này ông xin tặng cho toàn bộ phần di sản thừa kế mà ông được hưởng đối

với thửa đất số 137 nêu trên cho anh trai ông là Trương Xuân Đ – Là một trong các đồng thừa kế trong vụ án nêu trên. Ông cam đoan việc cho tặng kỷ phần thừa kế này không nhằm trốn tránh nghĩa vụ của ông cũng như nghĩa vụ của bố mẹ ông.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Xuân Q, Bà Trương Thị H, Ông Trương Xuân H1, Ông Trương Xuân L trình bày thống nhất nội dung: Các ông bà thống nhất tặng cho quyền sử dụng đất phần của các ông bà được hưởng trong khối di sản thừa kế do bố mẹ các ông bà để lại cho ông Trương Xuân Đ. Ông bà cam đoan việc cho tặng kỷ phần thừa kế này không nhằm trốn tránh nghĩa vụ của ông bà cũng như nghĩa vụ của bố mẹ ông bà.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà Nguyễn Thị V là vợ của ông Trương Xuân Đ1 (Đã chết theo Quyết định tuyên bố chết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An). Bà V và ông Trương Xuân Đ1 có các con chung là: anh Trương Xuân P, sinh năm 1995; anh Trương Xuân N, sinh năm 1998 và cháu Trương Xuân Anh K, sinh năm 2010. Ông Đ1 chết không để lại di chúc. Cháu Trương Xuân P và Trương Xuân N người đi làm ăn ở nước ngoài, người thì làm ăn xa không báo địa chỉ cụ thể cho bà; còn cháu K thì đang ở với bà. Cụ Trương Xuân C (sinh năm: 1937; chết năm: 2011), cụ Lê Thị T1 (sinh năm: 1937; chết năm: 1997) là bố mẹ chồng của bà có di sản thừa kế để lại là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 3, diện tích 1761m² (đất ở là 200m² và đất vườn là 1561m²) tại xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An mang tên Trương Xuân C theo GCNQSD số N674710 do UBND huyện N cấp ngày 31/3/1999 mang tên Trương Xuân C. Nay nguyên đơn yêu cầu di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất này thì bà đồng ý. Do các con bà và ông Đ1 là anh P, anh N đi làm ăn xa, không có địa chỉ cụ thể, nhưng bà cũng đã thông báo nội dung khởi kiện qua tài khoản messenger và zalo cho các anh; còn cháu K thì chưa đủ 18 tuổi thì đang ở nhà cùng với bà nên bà đồng ý quản lý phần của các cháu được hưởng. Khi các cháu yêu cầu trích trả theo phần thì bà sẽ giao lại. Bà yêu cầu được chia bằng hiện vật, nhưng nếu không chia được bằng hiện vật thì bà yêu cầu các đồng thừa kế giao cho bà số tiền 700.000.000 đồng.

Kết quả xem xét thẩm định, tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất đang tranh chấp: Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 03, diện tích 1761 m² tại xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, được UBND huyện N cấp Giấy CNQSD đất số hiệu N674710 vào ngày 31/3/1999 cho ông Trương Xuân C - Theo Bản đồ đo

đặc năm 2010 là thửa đất số 137, tờ bản đồ 65, diện tích 1825,5 m² tại xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là xóm I, xã V, tỉnh Nghệ An). Giá theo thị trường của thửa đất là 3.000.000 đồng/m². Hiện tại đất là đất trống; không có công trình xây dựng gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn nêu ý kiến và tranh luận: Nếu bà Nguyễn Thị V đề nghị được giao đất và bên nguyên đơn nhường thêm phần đất ở cho bà V và các con để phần đất được giao đủ điều kiện được tách thửa thì bên nguyên đơn đồng ý, nhưng yêu cầu bà V phải giao cho nguyên đơn số tiền tương đương với diện tích đất ở bù vào nhân với đơn giá 2.600.000 đồng/m².

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị V nêu ý kiến và tranh luận: Bà và các con chỉ nhận phần thừa kế bằng đất, không nhận tiền. Đề nghị nguyên đơn giao cho bà thêm phần đất ở để phần đất được chia thừa kế của bà và các con đủ điều kiện để tách thửa. Bà chỉ đồng ý giao cho nguyên đơn 50.000.000 đồng và đề nghị được giao phần đất ở vị trí giữa thửa đất số 137, tờ bản đồ số 65.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DSST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Nghệ An đã quyết định: Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; - Điều 623, Điều 649 đến Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015; - Điều 137, Điều 141, Điều 220 Luật đất đai 2024; - Điểm d khoản 1 Điều 12; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. 1.1. Giao cho ông Trương Xuân Đ được quyền sử dụng diện tích 1564.6m² (trong đó 120 m² đất ở, 1444,6 m² đất vườn) thuộc thửa đất 137, tờ bản đồ 65, tại xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, nay là xóm I, xã V, tỉnh Nghệ An. Có tứ cận: Phía Bắc giáp Đường + nương: 16.3m + 17.46m + 18.54m; Phía Đông giáp với phần đất chia giao cho bà Nguyễn Thị V, anh Trương Xuân P, anh Trương Xuân N, anh Trương Xuân Anh K: 44.4m; Phía Nam giáp thửa đất ONT + CLN 285: 23.73m + 8.69 m; Phía Tây giáp thửa ONT 386, 388, 390, 392, 394: 4.39m + 14.57 m + 9.65 m + 7.5m + 7.5m + 7.55m + 1.17m. 1.2. Giao cho bà Nguyễn Thị V, anh Trương Xuân P, anh Trương Xuân N và cháu Trương Xuân A Khoa được quyền sử dụng diện tích 260.9 m² (trong đó 80m² đất ở, 180.9 m² đất vườn) thuộc thửa đất 137, tờ bản đồ 65, tại xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, nay là xóm I, xã V, tỉnh Nghệ An. Có tứ cận: Phía Bắc giáp Đường + nương: 5.83m; Phía Đông

giáp thửa ONT 138: 44.29m; Phía Nam giáp thửa đất ONT +CLN 285: 5.94 m; Phía Tây giáp phần đất giao cho ông Trương Xuân Đ: 44.4m.

Bà Nguyễn Thị V, anh Trương Xuân P, anh Trương Xuân N, anh Trương Xuân Anh K có nghĩa vụ giao cho ông Trương Xuân Đ số tiền 133.640.000 (Một trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng. Ký phần mỗi người phải giao cho ông Đ là 33.410.000 (Ba mươi ba triệu, bốn trăm mười nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên trách nhiệm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2025, bà Nguyễn Thị V kháng cáo: Bà Nguyễn Thị V không đồng ý giao số tiền 135.000.000 đồng cho ông Trương Xuân Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị V giữ nguyên nội dung kháng cáo, đồng thời trình bày đề nghị nhận phần đất theo diện tích phân chia như cấp sơ thẩm và loại đất (đất ở, đất vườn) theo diện tích được phân chia, không đồng ý việc nhận thêm phần đất ở từ các đồng thừa kế khác như bản án sơ thẩm; việc chuyển mục đích sử dụng đất, sau này bà V sẽ thực hiện theo quy định. Đề nghị phân chia toàn bộ diện tích đất thành 07 phần và bốc thăm ngẫu nhiên, ai bốc thăm được phần nào sẽ nhận phần đất đó.

Đại diện nguyên đơn đồng ý với ý kiến của bà V về việc phân chia loại đất; đề nghị giữ nguyên vị trí các đất giao như bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án. Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ việc. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Việc phân chia thừa kế tại bản án sơ thẩm đã quyết định đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thay đổi về nội dung loại đất được nhận, đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị sửa bản án sơ thẩm về nội dung này. Đối với nội dung kháng cáo về vị trí các phần đất được nhận, đề nghị giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trình bày của các bên đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên toà phúc thẩm; xét kháng cáo của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị V kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí trong thời hạn luật định, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[1.2]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 03, diện tích 1761 m²; theo bản đồ địa chính là thửa đất số 137, tờ bản đồ số 65, diện tích 1825,5 m² tại xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nay là xóm I, xã V, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35. c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi năm 2025), Tòa án nhân dân khu vực 2 – Nghệ An giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung

[2.1]. Về xác định di sản, hàng thừa kế, thời hiệu, kỷ phần thừa kế các đương sự không kháng cáo.

[2.2] Về cách chia

Thửa đất số 137, tờ bản đồ 65, diện tích 1825,5m² (trong đó 200m² đất ở, 1625,5 m² đất vườn) được chia thành 07 phần bằng nhau; mỗi suất thừa kế được hưởng 260,9 m² đất (trong đó 28,6 m² đất ở, 232,3 m² đất vườn) (diện tích phần đất đã được làm tròn). Quá trình xét xử sơ thẩm, các đương sự đồng ý việc trích phần diện tích đất ở để phần đất giao bà Nguyễn Thị V, anh Trương Xuân P, anh Trương Xuân N và cháu Trương Anh K đủ 80m² đất ở trong tổng diện tích đất được nhận. Đồng thời căn cứ vào Điều 220 của Luật đất đai năm 2024 và Điều 10 Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh N để giao cho bà Nguyễn Thị V, anh Trương Xuân P, anh Trương Xuân N và cháu Trương Anh K 260,9m² trong đó có 80m² đất ở và buộc phải thanh toán giá trị chênh lệch giữa đất ở với giá 2.600.000 đồng/m² là có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà V chỉ đồng ý giao số tiền 50.000.000 đồng; sau khi xét xử sơ thẩm, bà V kháng cáo không đồng ý giao cho phía nguyên đơn số tiền 133.640.000 đồng như quyết định của bản án sơ thẩm. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, bà V đề nghị giao nguyên cho bà và các con 260,9m² đất (trong

đó 28,6 m² đất ở, 232,3 m² đất vườn), không đồng ý việc nhận thêm 51,4m² đất ở chuyển đổi để đủ 80m² đất ở, việc chuyển đổi loại đất bà V sẽ thực hiện sau này.

Xét thấy, nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị V là tự nguyện, phù hợp với phần tài sản bà nhận được, không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của bà V cũng như các đương sự khác. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị V về nội dung này.

[2.3]. Về vị trí các phần đất giao cho các đương sự: Bà V yêu cầu phân chia thừa đất thành 07 phần và bốc thăm ngẫu nhiên, ai bốc được phần nào sẽ nhận phần đất đó. Xét thấy, 06 đồng thừa kế thống nhất giao cho ông Trương Xuân Đ phần di sản của mình thành một khối. Tòa án cấp sơ thẩm phân chia thành di sản thành 02 phần diện tích đất và giao cho bà V ở một phía thừa đất là phù hợp. Không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà Nguyễn Thị V.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị V.

[3]. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: - Ông Trương Xuân Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với 03 phần thừa kế của bà Trương Thị H, anh Trương Xuân L, ông Trương Xuân H1. Đối với phần của ông Trương Xuân Đ, ông Trương Xuân Q và ông Trương Xuân X, do các ông đều trên 60 tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn phần án phí cho ông Đ, ông Q và ông X.

Bà Nguyễn Thị V, anh Trương Xuân N, anh Trương Xuân P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần thừa kế được hưởng. Cháu Trương Xuân Anh K chưa đủ 16 tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị V được chấp nhận một phần, bà V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Nghệ An: chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị V về việc Nguyễn Thị V, anh Trương Xuân P, anh Trương Xuân N và cháu Trương Anh K không phải thanh toán khoản tiền 133.400.000 đồng cho ông Trương Xuân Đ;

không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị V về việc phân chia vị trí phần đất thừa kế được giao.

[2] Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 137, Điều 141, Điều 220 Luật đất đai 2024; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giao cho ông Trương Xuân Đ được quyền sử dụng diện tích 1564,6m² (trong đó 171,4 m² đất ở, 1.392,6m² đất vườn) thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 65, tại xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, nay là xóm I, xã V, tỉnh Nghệ An. Có tứ cận: Phía Bắc giáp Đường + nương: 16,3m + 17,46m + 18,54m; Phía Đông giáp với phần đất chia giao cho bà Nguyễn Thị V, anh Trương Xuân P, anh Trương Xuân N, anh Trương Xuân Anh K: 44,4m; Phía Nam giáp thửa đất ONT +CLN 285: 23,73m + 8,69 m; Phía Tây giáp thửa ONT 386, 388, 390, 392, 394: 4,39m + 14,57 m + 9,65 m + 7,5m + 7,5m + 7,55m+ 1,17m.

[2.2]. Giao cho bà Nguyễn Thị V, anh Trương Xuân P, anh Trương Xuân N và cháu Trương Xuân A Khoa được quyền sử dụng diện tích 260,9 m² (trong đó 28,6m² đất ở, 232,3m² đất vườn) thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 65, tại xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, nay là xóm I, xã V, tỉnh Nghệ An. Có tứ cận: Phía Bắc giáp Đường + nương: 5,83m; Phía Đông giáp thửa ONT 138: 44,29m; Phía Nam giáp thửa đất ONT +CLN 285: 5,94 m; Phía Tây giáp phần đất giao cho ông Trương Xuân Đ: 44,4m.

Sơ đồ phân chia sau đây:

Ông Trương Xuân Đ, bà Nguyễn Thị V, anh Trương Xuân P, anh Trương Xuân N và Trương Xuân A Khoa có quyền và nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất đối với phần đất được giao theo quy định.

[3] Án phí

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Xuân Đ phải chịu 78.962.000 (Bảy mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị V, anh Trương Xuân P, anh Trương Xuân N mỗi người phải chịu 8.827.000 (Tám triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001785 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND KV 2;
- VKSND KV2;
- THADS KV2 tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA. TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Cường